

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/KDTM-PT

Ngày 03 - 9 - 2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quản Hữu Chiến.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Minh Hải.

Bà Tòng Thị Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Quốc Đức - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 01 và 03 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2020/TLPT-KDTM ngày 08 tháng 01 năm 2020 về việc Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2019/KDTM-ST ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 02/2020/QĐ-PT ngày 02 tháng 7 năm 2020 và các Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 09/2020/QĐ-PT ngày 31 tháng 7 năm 2020; số 10/2020/QĐ-PT ngày 24 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Hộ kinh doanh cá thể T1. Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy T. Địa chỉ: X1, ấp B, xã B1, huyện B2 tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền ngày 06 tháng 8 năm 2019): Anh Cầm Phúc P; chị Vàng Thị H. Địa chỉ: Số X1, đường D, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La. Anh P có mặt, chị H vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Vũ Đức T2 - Luật sư của Văn phòng Luật sư Thăng Long Hà Nội thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Sơn La. Địa chỉ: Số 486, đường D, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. Bị đơn: Hợp tác xã L. Địa chỉ: Bản M2, xã M1, huyện M, tỉnh Sơn La.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc G, chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Hợp tác xã. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị A. Địa chỉ: Tiểu khu S4, xã M1, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

4. Người làm chứng:

- Bà Bùi Thị N. Địa chỉ: Bản M3, xã M4, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.
- Ông Phan Đình Đ. Địa chỉ: Bản M3, xã M4, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt.
- Ông Nguyễn Quang V. Địa chỉ: Tiểu khu S3, xã M1, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.
- Bà Mai Hồng N1. Địa chỉ: Tiểu khu X2, thị trấn M5, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

5. Người kháng cáo: Hợp tác xã L là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong đơn khởi kiện ngày 05 tháng 8 năm 2019, các bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 15/4/2019, Hộ kinh doanh cá thể T1 do bà Nguyễn Thị Thùy T là người đại diện theo pháp luật đã ký Hợp đồng kinh tế số 01/HĐKT/2019 về việc mua bán cây ăn quả (gọi tắt là Hợp đồng số 01) với Hợp tác xã L do ông Nguyễn Ngọc G - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Hợp tác xã là người đại diện theo pháp luật.

Nội dung hợp đồng: Hộ kinh doanh cá thể T1 bán cho Hợp tác xã L 200.000 cây xoài Đài Loan (Xoài GL 4, ghép mắt) với giá 18.000đ/ cây, tổng giá trị của hợp đồng là 3.600.000.000đ.

Thực hiện hợp đồng nêu trên, bà T đã giao cây theo thỏa thuận, có đại diện Hợp tác xã L nhận và thanh toán tiền cước xe. Cụ thể:

Xe thứ nhất giao ngày 16/4/2019: Bà T giao cho anh Nguyễn Thành P1 điều khiển xe công ten nơ BKS 89R - 005.77, 89C - 078.19 giao 15.500 cây xoài Đài Loan đến địa điểm giao hàng là vườn ươm của Hợp tác xã L tại bản M2, xã M1, huyện M, tỉnh Sơn La. Sau khi anh P1 giao cây thì bà Nguyễn Thị A đại diện Hợp tác xã L nhận hàng và thanh toán 50.000.000đ tiền cước xe cho anh P1.

Xe thứ hai giao ngày 18/4/2019: Bà T giao cho anh Nguyễn Việt P2 điều khiển xe công ten nơ BKS 89R - 00.227, 89C - 068.86 giao 19.500 cây xoài Đài Loan đến địa điểm giao hàng là vườn ươm của Hợp tác xã L. Sau khi anh P2 giao cây thì bà Lê Như Q đại diện Hợp tác xã L nhận hàng và thanh toán 43.500.000đ tiền cước xe cho anh P2.

Xe thứ ba giao ngày 25/4/2019: Bà T giao cho anh Phạm Văn P3 điều khiển xe công ten nơ BKS 89C - 10.770 giao 21.500 cây xoài Đài Loan đến địa điểm giao hàng là vườn ươm của Hợp tác xã L. Sau khi anh P3 giao cây thì bà Nguyễn Thị A đại diện Hợp tác xã L nhận hàng và thanh toán 57.000.000đ tiền cước xe cho anh P3 và 3.000.000đ tiền công bốc cây xuống.

Mỗi lần giao nhận cây, ông Nguyễn Ngọc G đều cho người của Hợp tác xã L ký xác nhận. Đến ngày 03/8/2019, ông G cho bà Bùi Thị N đại diện Hợp tác xã L thanh toán cho bà T 263.900.000đ tiền 02 xe cây: Xe thứ nhất giao ngày 16/4/2019, xe thứ hai giao ngày 16/8/2019. Đối với xe thứ ba giao ngày 25/4/2019 trị giá 387.000.000đ ông G chưa thanh toán.

Do đó, bà T đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Hợp tác xã L thanh toán tiền mua 21.500 cây xoài Đài Loan giao ngày 25/4/2019 với giá 18.000đ/ cây, tổng số tiền phải thanh toán là 387.000.000đ.

Tại các bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo pháp luật của bị đơn ông Nguyễn Ngọc G trình bày:

Hợp đồng kinh tế số 01/HĐKT/2019 ngày 15/4/2019 do Hợp tác xã L soạn thảo, ký, đóng dấu sẵn sau đó gửi cho bà Nguyễn Thị Thuỳ T ký nhưng bà T chưa gửi lại cho Hợp tác xã L và hợp đồng này cũng chưa được thực hiện trên thực tế bởi lẽ:

Hợp tác xã L hoạt động theo Luật Hợp tác xã nên nếu nhận hàng thì phải có biên bản giao nhận và biên bản nghiệm thu kèm theo gồm giấy chứng nhận nguồn gốc xuất xứ, biên bản kiểm tra cây giống, giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật để chứng minh cây giống đảm bảo điều kiện xuất bán cho hợp tác xã.

Hợp tác xã L khẳng định không được nhận cây giống nào của bà T tại vườn ươm của Hợp tác xã vì bà A và bà Q không phải là thành viên chính thức của Hợp tác xã, không được Hợp tác xã giao nhiệm vụ bằng văn bản nên bà A và bà Q không có tư cách đại diện cho Hợp tác xã L nhận hàng của bà T.

Đối với việc nhận 02 xe cây giống vào ngày 16/4/2019 và ngày 18/4/2019: Việc này do 04 cá nhân gồm ông G, ông Nguyễn Quang V, ông Phan Đình Đ và bà Nguyễn Thị A tự thỏa thuận với nhau nhưng không lập thành văn bản. Đây là việc làm ăn riêng với tư cách cá nhân của 04 người nêu trên, không liên quan đến Hợp tác xã L và 02 xe cây này đã được bà Bùi Thị N và bà Nguyễn Thị A đứng ra thanh toán đầy đủ cho bà T.

Đối với việc nhận xe cây giống vào ngày 25/4/2019: Xe cây này do bà T tự cho người chở ra khi chưa có sự trao đổi trước. Bà A đã nhận xe cây này như thế nào thì ông G không nắm được nhưng việc này không liên quan đến Hợp tác xã L. Sau đó bà T đã nhờ các ông tìm nơi gửi cây và ông bà V B đã mượn đất của hàng xóm để cho gửi nhờ. Hiện số cây này đang ở đâu ông G không biết được.

Do đó, Hợp tác xã L không đồng ý thanh toán số tiền cây giao nhận vào ngày 25/4/2019 theo yêu cầu khởi kiện của bà T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Nguyễn Thị A trình bày:

Bà A gia nhập Hợp tác xã L vào năm 2010 nhưng không có đơn và không thực hiện nghĩa vụ gì với Hợp tác xã. Sau ngày 25/4/2019, bà A tự ra khỏi Hợp tác xã nhưng cũng không có đơn. Trong thời gian làm tại Hợp tác xã L, bà A giữ vai trò là thủ quỹ nhưng do không có đóng góp nên bà không được hưởng lương hay có quyền lợi gì. Theo chỉ đạo của ông G, ngày 11/4/2019, bà đã chuyển khoản 200.000.000đ tiền tạm ứng hợp đồng cho bà Nguyễn Thị Thùy T, nguồn gốc số tiền này được xuất từ quỹ của Hợp tác xã L.

Bà A xác nhận 03 lần trực tiếp nhận cây xoài giống của bà T:

Lần thứ nhất vào ngày 16/4/2019 nhận 15.500 cây xoài giống và 400 cây ổi; lần thứ hai vào ngày 18/4/2019 nhận 19.500 cây xoài giống. Hai lần này bà A đều thực hiện theo sự chỉ đạo của ông Nguyễn Ngọc G.

Lần thứ ba vào ngày 25/4/2019 nhận 21.500 cây xoài giống. Lần này bà A cũng thực hiện theo chỉ đạo của ông G là đếm giúp số cây và nhận đủ cây, sau đó thanh toán tiền cước xe là 57.000.000đ và tiền công bốc cây xuống là 3.000.000đ. Số tiền này là bà A xuất từ quỹ của HTX L ra chứ không phải tiền cá nhân.

Bà A không biết việc ông G và bà T hợp đồng mua bán cây giống như thế nào, còn việc nhận toàn bộ số cây do bà T chuyển ra là bà thực hiện theo sự chỉ đạo của ông G. Hiện nay bà A đã ra khỏi Hợp tác xã L và bàn giao toàn bộ quỹ của Hợp tác xã L cho bà Bùi Thị N giữ nên bà không còn liên quan gì đến yêu cầu khởi kiện của bà T đối với Hợp tác xã L.

Tại bản án sơ thẩm số 04/2019/KDTM-ST ngày 21/11/2019, Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 24, khoản 1 Điều 50, khoản 5 Điều 297 Luật Thương mại; Điều 147, Điều 267, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Hộ kinh doanh cá thể T1. Buộc Hợp tác xã L phải thanh toán cho Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Thùy T số tiền mua 21.500 cây xoài Đài Loan giao ngày 25/4/2019 là 387.000.000đ (Ba trăm tám mươi bảy triệu đồng).

Kể từ ngày Hộ kinh doanh cá thể T1 có đơn yêu cầu thi hành án nếu Hợp tác xã L không tự nguyện trả số tiền trên thì hàng tháng Hợp tác xã L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định án phí, tuyên tuyên kháng cáo và trách nhiệm thi hành án dân sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25/11/2020, Hợp tác xã L là bị đơn kháng cáo không nhất trí với toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La.

Tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Nguyễn Ngọc G là người đại diện theo pháp luật của người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo xác nhận có được ký Hợp đồng số 01 với Hộ kinh doanh cá thể T1 nhưng cho rằng hợp đồng này chưa được thực hiện trên thực tế. Việc giao nhận cây vào các ngày 16, 18 và 25/4/2019 là thỏa thuận làm ăn riêng giữa 04 cá nhân ông G, ông Đ, ông V, bà A với bà T, không phải để thực hiện Hợp đồng số 01 và không liên quan đến Hợp tác xã L. Do đó, ông G đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán 387.000.000đ tiền mua 21.500 cây xoài Đài Loan theo Hợp đồng số 01.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có ý kiến cho rằng Hộ kinh doanh cá thể T1 và Hợp tác xã L ký đã Hợp đồng số 01 theo đúng quy định của Luật Thương mại. Sau khi ký hợp đồng, bà T đã giao 03 xe cây giống cho Hợp tác xã L vào các ngày 16, 18 và 25/4/2019. Việc giao nhận cây được thực hiện tại vườn ươm của Hợp tác xã L và do bà Nguyễn Thị A là Trưởng Ban Kiểm soát của Hợp tác xã L xác nhận. Hiện nay Hợp tác xã L mới chỉ thanh toán 02 xe cây giống giao nhận vào ngày 16 và 18/4/2019 nên yêu cầu khởi kiện của bà T về việc buộc Hợp tác xã L phải thanh toán số tiền mua 21.500 cây xoài Đài Loan giao nhận vào ngày 25/4/2019 là có căn cứ và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của Hợp tác xã L, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên nhận định Hợp đồng số 01 ký giữa Hợp tác xã L và Hộ kinh doanh cá thể T1 là hợp pháp, đã có hiệu lực pháp luật. Thực hiện Hợp đồng số 01 thì bà T đã giao cho Hợp tác xã L 03 xe cây giống vào các ngày 16, 18 và 25/4/2019. Ông G cho rằng hợp đồng này chưa được thực hiện trên thực tế và việc giao nhận cây nêu trên là thỏa thuận làm ăn giữa 04 cá nhân ông G, bà A, ông V, ông Đ với bà T là không có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm buộc Hợp tác xã L phải thanh toán 387.000.000đ tiền mua 21.500 cây xoài giống là có căn cứ, đúng pháp luật.

Do đó, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận về hình thức và không chấp nhận về nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc G, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Hộ kinh doanh cá thể T1 và Hợp tác xã L đều có đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật. Ngày 15/4/2019, Hộ kinh doanh cá thể T1 và Hợp tác xã L ký kết Hợp đồng kinh tế số 01/HĐKT/2019 về việc mua bán cây ăn quả. Hộ kinh doanh cá thể T1 cho rằng sau khi ký hợp đồng kinh tế nêu trên đã giao 03 xe cây giống cho Hợp tác xã L nhưng Hợp tác xã L mới thanh toán tiền của 02 xe và không thanh toán tiền của xe thứ ba nên đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp. Do Hợp tác xã L có địa chỉ trụ sở chính tại bản M2, xã M1, huyện M, tỉnh Sơn La nên Tòa án nhân dân huyện M thụ lý, giải quyết vụ án Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa là có căn cứ, đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị Thùy T là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn; chị Vàng Thị H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn; bà Nguyễn Thị A là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; bà Bùi Thị N, ông Nguyễn Quang V, bà Mai Hồng N1 là người làm chứng vắng mặt. Xét thấy, bà T vắng mặt nhưng đã ủy quyền cho anh Cầm Phúc P và chị H tham gia tố tụng, anh P và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T có mặt tại phiên tòa; bà A và những người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không có mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét xử vắng mặt các đương sự và người làm chứng nêu trên theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xem xét đối với Hợp đồng kinh tế số 01/HĐKT/2019 ngày 15/4/2019 giữa Hộ kinh doanh cá thể T1 và Hợp tác xã L, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và những tài liệu, chứng cứ được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định ngày 15/4/2019, Hộ kinh doanh cá thể T1 do bà Nguyễn Thị Thùy T làm đại diện và Hợp tác xã L do ông Nguyễn Ngọc G làm đại diện đã ký Hợp đồng kinh tế số 01/HĐKT/2019 về việc mua bán cây ăn quả. Theo nội dung hợp đồng thì Hộ kinh doanh cá thể T1 (Bên B) bán cho Hợp tác xã L (Bên A) 200.000 cây xoài Đài Loan (Xoài GL 4, ghép mắt) với giá 18.000đ/ cây, tổng giá trị của hợp đồng là 3.600.000.000đ.

Xét hợp đồng nêu trên được lập thành văn bản, có đầy đủ chữ ký của người đại diện theo pháp luật và đóng dấu của Hộ kinh doanh cá thể T1 và Hợp tác xã L. Mặc dù ông G chỉ thừa nhận hợp đồng nêu trên là do Hợp tác xã L soạn thảo nhưng ông G cho rằng hợp đồng này không có giá trị pháp lý do được Hợp tác xã L ký, đóng dấu sẵn và gửi cho bà T ký nhưng sau đó bà T không gửi lại cho Hợp tác xã L. Tuy nhiên, ông G không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận ý kiến của ông G, xác định Hợp tác xã L và Hộ kinh doanh cá thể T1 đã ký Hợp đồng số 01 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Về việc thực hiện Hợp đồng kinh tế số 01/HĐKT/2019 ngày 15/4/2019:

Phía nguyên đơn cho rằng sau khi ký Hợp đồng số 01 đã giao cho Hợp tác xã L 03 xe cây giống tại vườn ươm của Hợp tác xã tại bản M2, xã M1, huyện M, tỉnh Sơn La, mỗi lần giao cây đều có đại diện Hợp tác xã L nhận và thanh toán tiền cước xe. Cụ thể:

Xe 1 ngày 16/4/2019: Giao 15.500 cây xoài Đài Loan, do bà Nguyễn Thị A nhận hàng và thanh toán 50.000.000đ tiền cước xe.

Xe 2 ngày 18/4/2019: Giao 19.500 cây xoài Đài Loan, do chị Lê Như Q nhận hàng và thanh toán 43.500.000đ tiền cước xe.

Xe 3 ngày 25/4/2019: Giao 21.500 cây xoài Đài Loan, do bà Nguyễn Thị A nhận hàng và thanh toán 57.000.000đ tiền cước xe, 3.000.000đ tiền công bốc cây xuống.

Căn cứ biên bản giao nhận ngày 16, 18 và 25/4/2019 có xác nhận của bà Nguyễn Thị A và chị Lê Như Q (con gái của bà A) thì bà A và chị Q đã nhận 03 xe cây giống nêu trên của bà T nhưng ông G và các thành viên của Hợp tác xã L gồm ông Nguyễn Quang V, ông Phan Đình Đ và bà Nguyễn Thị A đều có ý kiến cho rằng 02 xe cây giống giao nhận vào ngày 16 và 18/4/2019 là do 04 người ông G, ông V, ông Đ và bà A tự thỏa thuận làm ăn riêng với bà T, không phải để thực hiện Hợp đồng số 01 và không liên quan gì đến Hợp tác xã L. Đối với xe cây thứ ba giao nhận vào ngày 25/4/2019 do bà T tự cho người chở ra, giữa hai bên chưa có sự trao đổi và xe cây này cũng không phải để thực hiện Hợp đồng số 01 và không liên quan đến Hợp tác xã L.

Xét thấy, tại Quyết định số 10/QĐ-HTX ngày 13/5/2018 của Hợp tác xã L thể hiện bà A được bổ nhiệm là Trưởng Ban Kiểm soát; theo danh sách thành viên Hợp tác xã L góp vốn thì bà A góp 200.000.000đ, thời điểm góp vốn là ngày 15/5/2018 nên tại thời điểm này có thể xác định bà A là thành viên của Hợp tác xã L. Tuy nhiên, theo Quyết định số 08/QĐ-HTX-NL ngày 18/02/2019 và Thông báo 06/TB-HTX ngày 19/02/2019 của Hợp tác xã L thì bà A không có tên trong Hội đồng quản trị, Ban quản lý Hợp tác xã, Kế toán hoặc Thủ kho nên tại thời điểm bà A nhận 03 xe cây giống của bà T vào tháng 4/2019 thì bà A không còn là thành viên của Hợp tác xã L. Mặc dù bà A cho rằng việc bà nhận

03 xe cây nêu trên là theo chỉ đạo của ông G; số tiền 200.000.000đ bà A đã nộp vào tài khoản của bà T vào ngày 11/4/2019 và số tiền thanh toán cước 03 xe chở cây giống vào các ngày 16, 18 và 25/4/2019 là của Hợp tác xã L nhưng ông G chỉ thừa nhận việc chỉ đạo bà A nhận cây giống và xác định số tiền nêu trên là của ông G, ông Đ, ông V và bà A góp vốn để làm ăn riêng, không phải là tiền của Hợp tác xã L. Bà A cũng xác nhận được chia tiền lãi từ việc bán cây giống đã nhập của bà T và không đưa ra được chứng từ chứng minh số tiền nêu trên là của Hợp tác xã L nên không có đủ cơ sở xác định số cây nêu trên là bà A nhận cho Hợp tác xã L; số tiền bà A nộp vào tài khoản của bà T và thanh toán tiền cước xe chở cây là để thực hiện Hợp đồng số 01.

Đối với việc thanh toán tiền hàng vào ngày 03/8/2019: Theo nội dung Giấy xác nhận thanh toán tiền hàng ngày 03/8/2019 thì bà Bùi Thị N (vợ của ông Phan Đình Đ thành viên Hợp tác xã L) đã thanh toán cho bà T 263.000.000đ tiền mua 02 xe cây giống theo Hợp đồng số 01 nhưng bà N không phải là thành viên của Hợp tác xã L, số tiền bà N sử dụng để thanh toán là tiền riêng của bà N, không phải là tiền của Hợp tác xã L. Ông G không thừa nhận việc nhờ bà N thanh toán tiền mua cây giống cho bà T. Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, ông Phan Đình Đ là chồng của bà N đều xác nhận ông Đ là người gọi điện thoại bảo bà N thanh toán tiền mua cây giống cho bà T và đây là tiền riêng của bà N, sau khi bán được số cây giống nêu trên đã hoàn trả tiền cho bà N. Xét lời khai của ông Đ, bà N phù hợp với nhau và ngoài giấy xác nhận thanh toán nêu trên thì không còn chứng từ nào khác liên quan đến Hợp tác xã L. Hơn nữa, theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Hợp đồng số 01 thì sau khi giao nhận hàng, bà T phải xuất hóa đơn bán hàng cho Hợp tác xã L nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nêu trên nên không có đủ cơ sở xác định số tiền bà N đã sử dụng để thanh toán cho bà T vào ngày 03/8/2019 là tiền của Hợp tác xã L và nội dung thanh toán là tiền mua cây theo Hợp đồng số 01.

Mặt khác, kể từ sau khi giao xe cây giống thứ ba vào ngày 25/4/2019 đến tháng 8/2019 thì giữa bà T và Hợp tác xã L không giao nhận thêm xe cây nào khác. Đến ngày 03/8/2019, bà N và bà T thực hiện việc thanh toán tiền mua cây giống nhưng chỉ thanh toán tiền mua 02 xe cây giống giao nhận vào ngày 16 và 18/4/2019, không thanh toán tiền mua xe cây thứ ba giao nhận vào ngày 25/4/2019. Tại giấy xác nhận thanh toán tiền hàng nêu trên, bà N xác định “*Tôi thanh toán đủ hoàn số tiền nợ cây như trên cho cô Nguyễn Thị Thùy T và không còn nợ trên hợp đồng từ ngày 03 tháng 08 năm 2019*”, bà T cũng xác nhận nội dung này nên có đủ cơ sở xác định ngoài 02 xe cây giống đã thanh toán, không có tranh chấp thì giữa hai bên không có việc mua bán xe cây giống thứ ba giao nhận vào ngày 25/4/2019. Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu Hợp tác xã L thanh toán tiền mua 21.500 cây giống giao nhận vào ngày 25/4/2019 theo Hợp đồng số 01 là không có căn cứ chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp phúc thẩm đã ủy thác cho Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành xem xét đối với số cây giống của xe thứ 3. Kết quả xem

xét của Tòa án cấp sơ thẩm xác định số cây này hiện đang được để tại đất hành lang giao thông trước cửa gia đình bà Nguyễn Thị U, địa chỉ: Tiểu khu S4, xã M1, huyện M, tỉnh Sơn La. Trường hợp bà T cho rằng có tranh chấp liên quan đến số cây giống nêu trên thì có thể khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[2.3] Từ sự phân tích, nhận định nêu trên xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định việc giao nhận xe cây giống thứ ba vào ngày 25/4/2019 giữa bà Nguyễn Thị A với người vận chuyển xe cây của bà Nguyễn Thị Thùy T là để thực hiện Hợp đồng số 01 và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc Hợp tác xã L phải thanh toán số tiền mua 21.500 cây giống giao nhận vào ngày 25/4/2019 là không có căn cứ. Do đó, cần chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về án phí:

Do chấp nhận kháng cáo của bị đơn sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm và xác định lại nghĩa vụ chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn Hợp tác xã L, sửa bản án sơ thẩm số 04/2019/DS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La như sau:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hộ kinh doanh cá thể T1 về việc buộc bị đơn Hợp tác xã L phải thanh toán 387.000.000đ (Ba trăm tám mươi bảy triệu đồng) tiền mua 21.500 cây xoài Đài Loan giao nhận ngày 25/4/2019.

2. Về án phí:

Hợp tác xã L không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm và được trả lại 2.000.000đ (Hai triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0004108 ngày 26/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sơn La.

Hộ kinh doanh cá thể T1 phải chịu 19.350.000đ (Mười chín triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, được khấu trừ 9.675.000đ (Chín triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0003256 ngày 23/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sơn La, còn phải nộp tiếp 9.675.000đ (Chín triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 03/9/2020).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sơn La;
- TAND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Những người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV&THA;
- Tổ Hành chính tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quản Hữu Chiến